

Số: /ĐA.SNN

Nghệ An, ngày tháng năm 2023

ĐỀ ÁN
TỔ CHỨC SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT VỤ ĐÔNG 2023

Phần thứ nhất
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT VỤ ĐÔNG 2022,
TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VỤ HÈ THU – MÙA 2023

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Sản xuất vụ Đông 2022 diễn ra trong điều kiện thời tiết bất thuận; đầu vụ gieo trồng chịu ảnh hưởng liên tiếp bởi các đợt mưa lớn, hoàn lưu bão, gió lốc (mưa lớn từ ngày 8/09 - 12/09, hoàn lưu bão số 4 từ ngày 26 - 29/09; mưa lớn, gió lốc từ 23/11 - 25/11) đã gây thiệt hại 10.764,19 ha diện tích rau màu các loại và 4.007,79 ha cây công nghiệp, cây ăn quả. Bên cạnh đó, giá vật tư phân bón tăng cao đã ảnh hưởng rất lớn đến đầu tư sản xuất trong vụ Đông.

Nhưng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự cố gắng nỗ lực của người dân trong việc khắc phục thiên tai, đầu tư sản xuất nên vụ Đông đã đạt được kết quả đáng ghi nhận. Sản lượng các cây trồng đạt 334.934,82 tấn/KH 415.817,5 tấn, đạt 80,55 %. Năng suất các cây trồng đều tăng so với kế hoạch và tăng so với vụ Đông 2021.

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

2.1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất

- Cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến địa phương luôn quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt để tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất.

+ UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành 05 văn bản (*Đề án, Chỉ thị sản xuất; Quyết định hỗ trợ sản xuất cây vụ Đông 2022; Công điện ứng phó với bão số 2; Công văn về các giải pháp ứng phó với mưa bão số 4*) và Thành lập các đoàn kiểm tra, chỉ đạo đầy nhanh, khắc phục thiệt hại và khôi phục sản xuất sau mưa bão tại các địa phương.

+ UBND các huyện, thành phố, thị xã đã ban hành Kế hoạch, Chỉ thị và thành lập Ban chỉ đạo sản xuất, một số địa phương đã trích ngân sách cấp huyện để hỗ trợ cho nông dân; trực tiếp xuống cơ sở để kiểm tra, chỉ đạo sản xuất, phòng chống lụt bão, khắc phục thiên tai, khôi phục sản xuất sau mưa bão.

2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch (chi tiết tại phụ lục 1a)

- Toàn tỉnh đã gieo trồng được 33.326,61 ha diện tích cây trồng vụ Đông các loại; diện tích cho thu hoạch là 33.073,37 ha/KH 35.430 ha, đạt 93,35 %. Sản lượng các cây trồng đạt 334.934,82 tấn/KH 415.817,5 tấn, đạt 80,55 %. Năng suất hầu hết các cây trồng như ngô, lạc, rau các loại, khoai lang và cây khoai tây đều tăng so với kế hoạch và tăng so với vụ Đông 2021; Cụ thể như sau:

+ Cây Ngô: Tổng diện tích cho thu hoạch 18.192,61 ha/KH 19.500 ha (đạt 93,30 %). Trong đó: Diện tích thu hoạch ngô lấy hạt 16.251,75 ha/KH 14.500 ha (đạt 112,08 %); năng suất 48,90 tạ/ha; sản lượng 79.473,7 tấn/KH 69.600 tấn (đạt 114,19 %). Diện tích thu hoạch ngô sinh khối 1.940,86 ha/KH 5.000 ha (đạt 38,82 %); năng suất 327,59 tạ/ha; sản lượng 63.581,34 tấn/KH 150.000 tấn (đạt 42,39 %).

+ Cây Lạc: Diện tích thu hoạch 1.019,15 ha/KH 1.450 ha (đạt 70,29 %); năng suất đạt 26,85 tạ/ha; sản lượng 2.736,42 tấn/KH 3.697,5 tấn (đạt 74,01 %).

+ Cây Rau các loại: Diện tích thu hoạch 12.275,45 ha/KH 12.500 ha (đạt 98,2 %); năng suất 142,18 tạ/ha; sản lượng 174.532,01 tấn/KH 175.000 tấn (đạt 99,73 %).

+ Cây Khoai lang: Diện tích thu hoạch 1.300,81 ha/KH 1.450 ha (đạt 89,71 %); năng suất 70,07 tạ/ha; sản lượng 9.114,37 tấn/KH 9.570 tấn (đạt 95,24 %);

+ Cây Khoai tây: Diện tích thu hoạch 285,35 ha/KH 530 ha (đạt 53,84 %); năng suất 192,64 tạ/ha; sản lượng 5.496,98 tấn/KH 7.950 tấn (đạt 69,14 %).

- Sản xuất vụ Đông ngoài việc góp phần hoàn thành chỉ tiêu sản lượng lương thực còn mang lại giá trị kinh tế 1.605.468 triệu đồng, bình quân đạt 40,07 triệu đồng/ha.

2.3. Kết quả ứng dụng và chuyển giao KHCN, TBKT vào sản xuất; Liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

a) Kết quả ứng dụng KHCN, TBKT vào sản xuất

- Diện tích rau, quả các loại, cây dược liệu, cây ăn quả được công nhận sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP là 397,2 ha tại các huyện như Yên Thành, Quỳnh Lưu, Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Nam Đàn, TP Vinh, Thanh Chương, Tân Kỳ, Nghĩa Đàn, Anh Sơn, Con Cuông, Tương Dương, Quế Phong. Diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ là 14,7 ha rau các loại tại Nghĩa Đàn và 40,05 ha sản xuất rau các loại, cam, chè theo hướng hữu cơ tại Quỳnh Lưu, Nam Đàn, Hưng Nguyên, Đô Lương, Anh Sơn, Thanh Chương.

- Diện tích sản xuất trong nhà lưới, nhà màng là 35,4 ha với các loại cây có giá trị cao như rau củ các loại, dâu tây, dưa chuột, dưa lưới, hoa ly, ...

b) Kết quả công tác khuyến nông

b) Kết quả công tác khuyến nông

Công tác khuyến nông, chuyển giao các tiến bộ KHKT được các cấp ngành, địa phương quan tâm để đưa đến các tiến bộ mới cho người dân. Nhiều mô hình cây trồng vụ Đông được đưa vào sản xuất, trong đó điển hình có 33 mô hình sản xuất có hiệu quả kinh tế cao với tổng diện tích hơn 1.195 ha đã tạo động lực thúc đẩy phát triển sản xuất. Một số mô hình cho thu nhập và lợi nhuận cao như mô hình dưa chuột, bí xanh, hoa cúc, ... Trong đó có các mô hình có khả năng nhân rộng như: mô hình trồng ngô sinh khối có liên kết trên địa bàn các huyện Nghĩa Đàn; Mô hình bí xanh tại Thanh Chương, Anh Sơn, Con Cuông; Mô hình trồng dưa chuột tại Hưng Nguyên, Cửa Lò; Mô hình trồng hoa cúc tại Nam Đàn, TX Cửa Lò; Mô hình trồng rau, quả trong nhà lưới tại Hưng Nguyên, Nghĩa Đàn; Mô hình trồng khoai tây liên kết trên địa bàn các huyện Diễn Châu, Nam Đàn, Hưng Nguyên, Yên Thành, Đô Lương; ...

(Chi tiết hiệu quả các mô hình tại phụ lục 1b).

c) Kết quả thực hiện liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

- Diện tích các cây trồng vụ Đông được liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm là 1.042,4 ha với các cây trồng như ngô, khoai tây, rau củ quả các loại, ...

- Toàn tỉnh có 685 hợp tác xã nông nghiệp, số hợp tác xã hoạt động hiệu quả là 420 hợp tác xã (125 HTX hoạt động tốt; 295 HTX hoạt động khá). Trong đó, có 215 HTX đã thực hiện liên kết sản xuất ổn định cho người dân từ 01- 02 vụ/năm. Số HTX thực hiện liên kết ổn định, khâu nối cung ứng và tiêu thụ nông sản cho người dân ngày càng tăng đã tạo động lực cho người dân yên tâm đầu tư sản xuất, từ đó nâng cao năng suất và giá trị nông sản.

2.4. Kết quả thực hiện các cơ chế, chính sách trong vụ Đông 2022

UBND tỉnh và các địa phương đã có các chính sách hỗ trợ nông dân trong sản xuất vụ Đông như sau:

- Chính sách của UBND tỉnh:

+ Chính sách hỗ trợ tiền mua giống ngô, rau, màu các loại trên đất lúa và tiền mua giống khoai tây có liên kết bao tiêu sản phẩm theo Quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 về mức ngân sách tỉnh hỗ trợ tối đa cho các huyện, thị xã để mua giống sản xuất cây vụ Đông năm 2022 với tổng số tiền hỗ trợ tối đa cho các địa phương là 6.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, kinh phí các huyện, thị xã đề nghị hỗ trợ sản xuất cây vụ Đông năm 2022 với tổng số tiền đề nghị hỗ trợ là 3.079,7388 triệu đồng. Trong đó diện tích ngô, rau trên đất lúa được hỗ trợ là 1.332,5 ha; diện tích khoai tây liên kết được hỗ trợ là 223,1 ha. Chính sách này đã tạo động lực cho nông dân yên tâm sản xuất, tăng diện tích khoai tây toàn tỉnh và nâng cao thu nhập cho người dân.

+ Chính sách hỗ trợ giống các cây ngô và rau màu để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do mưa bão vụ Đông theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND với số tiền đề nghị UBND tỉnh hỗ trợ là 17.561.433.000 đồng đã góp phần hỗ trợ người nông dân khôi phục sản xuất và tích cực tái đầu tư sản xuất.

- UBND các huyện, thành, thị có diện tích bị thiệt hại do các đợt mưa bão đã trích ngân sách 10%, với số tiền 1.951.270.000 đồng để hỗ trợ cho người dân bị thiệt hại theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND.

- Ngoài ra, có 08/21 huyện, thành phố đã trích ngân sách huyện hỗ trợ nông dân để khuyến khích, thúc đẩy sản xuất vụ Đông với tổng số tiền 2.060 triệu đồng, gồm các huyện, thành phố: Quỳnh Lưu, Nghi Lộc, Hưng Nguyên, TP Vinh, Tân Kỳ, Quế Phong, Con Cuông, Tương Dương.

III. TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

3.1. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được thì vụ Đông còn một số tồn tại, hạn chế như sau:

- Diện tích, sản lượng các cây trồng không đạt so với kế hoạch đề ra, trong đó: Diện tích ngô trên đất lúa 1.216,8 ha/KH 2.500 ha, đạt 48,67 %; diện tích rau trên đất lúa 438,7 ha/ KH 765 ha, đạt 57,35 %.

- Diện tích ngô, rau màu bị thiệt hại 10.764,19 ha, trong đó: Diện tích thiệt hại >70% là 8.748,51 ha, diện tích thiệt hại từ 30-70% là 2.015,68 ha. Người dân phải tiến hành gieo lại, làm tăng chi phí đầu tư.

- Diện tích các cây trồng vụ Đông được liên kết, bao tiêu sản phẩm còn ít (chỉ đạt 3,16% tổng diện tích thu hoạch).

- Một số huyện không thực hiện hỗ trợ theo Quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 như Tân Kỳ, Nghĩa Đàn, TX Hoàng Mai; huyện Diễn Châu đang vướng mắc chưa giải quyết được kinh phí hỗ trợ và các huyện còn lại hầu như chưa sử dụng hết kinh phí tối đa tỉnh hỗ trợ.

3.2. Nguyên nhân

- Nguyên nhân khách quan

+ Do ảnh hưởng của mưa lớn, hoàn lưu bão, gió lốc (mưa lớn từ ngày 8/09-12/09, hoàn lưu bão số 4 từ ngày 26-29/09; mưa lớn, gió lốc từ 23/11-25/11) đã làm ngập úng gây hư hỏng, thiệt hại nhiều diện tích các cây rau, màu vụ Đông, người dân phải tiến hành gieo lại, dẫn đến diện tích, sản lượng các cây trồng đều không đạt kế hoạch đề ra.

+ Mất khác, do mưa lụt đầu vụ liên tục, kéo dài nên đất sản xuất bị ngập úng dẫn đến không kịp thời vụ gieo trồng. Do vậy, diện tích, sản lượng các cây không đạt kế hoạch đề ra, nhất là trên đất lúa.

+ Giá cả các loại vật tư nông nghiệp nhất là phân bón tăng mạnh đã ảnh hưởng đến việc tái đầu tư sản xuất của người dân.

- Nguyên nhân chủ quan

+ Công tác tổ chức, chỉ đạo sản xuất vụ Đông của một số cấp ủy, chính quyền cấp cơ sở còn thiếu quyết liệt và thường xuyên; chưa thực sự quan tâm, vận động, tuyên truyền sản xuất nên ảnh hưởng đến việc hoàn thành các chỉ tiêu. Đặc biệt là sản xuất ngô, rau trên đất lúa.

+ Vụ Đông thường bị thiệt hại do mưa bão, rủi ro cao dẫn đến hiệu quả sản xuất thấp nên người dân không mặn mà sản xuất.

+ Sản xuất vụ đông manh mún, không ổn định. Bên cạnh đó, diện tích cây rau màu các loại và ngô chiếm đa số nhưng diện tích ngô chủ yếu lấy hạt phục vụ chăn nuôi, rau người dân tự bán do nhỏ lẻ nên nhu cầu liên kết sản xuất, bao tiêu sản phẩm của người dân và doanh nghiệp không cao dẫn đến diện tích liên kết bao tiêu sản phẩm còn ít.

+ Các huyện Tân Kỳ, Nghĩa Đàn, TX Hoàng Mai không có diện tích ngô, rau trên đất lúa do không sản xuất được và thiệt hại do mưa bão nên không thực hiện chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 2515/QĐ-UBND ngày 23/8/2022 để mua giống sản xuất cây vụ Đông năm 2022. Các huyện còn lại do diện tích ngô, rau trên đất lúa và khoai tây không thực hiện đủ theo kế hoạch do mưa bão liên tục đầu vụ dẫn đến không sử dụng hết kinh phí tối đa UBND tỉnh đã giao.

+ Nguồn nhân lực lao động nông nghiệp ngày càng già hóa, một số chuyển sang các công việc khác có thu nhập cao hơn.

+ Vai trò của HTX, chính quyền ở một số nơi chưa thực sự phát huy hiệu quả trong việc tìm kiếm, kết nối doanh nghiệp; bên cạnh đó việc thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp còn gặp khó khăn nên diện tích các cây trồng được bao tiêu sản phẩm còn hạn chế.

IV. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VỤ HÈ THU - MÙA 2023

4.1. Về diện tích gieo trồng:

Theo báo cáo của các huyện, thành phố, thị xã tổng diện tích các cây trồng hàng năm vụ Hè Thu - Mùa đến ngày 10/8/2023 đã gieo trồng là 92.799,24 ha/Tổng KH 111.650 ha (đạt 83,12 %). Trong đó:

- **Cây lúa:** Tổng diện tích lúa đã gieo cấy: 76.204,51 ha/KH 81.500 ha (đạt 93,5 %). Dự kiến diện tích lúa thu hoạch trước 30/9/2023 khoảng trên 50.000 ha.

- **Cây Ngô:** Diện tích gieo trồng: 5.903,1 ha/KH 12.200 ha, (đạt 48,38 %).
- **Cây lạc:** Diện tích gieo trồng: 248,88 ha/KH 750 ha, (đạt 33,18 %).
- **Cây Vừng:** Diện tích gieo trồng: 2.101,15 ha/KH 2.800 ha, (đạt 75,15 %).
- **Cây Đậu đỗ các loại:** Diện tích gieo trồng: 1.496,4 ha/KH 2.600 ha, (đạt 57,55 %).
- **Cây rau các loại:** Diện tích gieo trồng: 6.845,2 ha/KH 11.800 ha, (đạt 58,01 %).

4.2. Nhận xét, đánh giá

- Sản xuất vụ Hè Thu - Mùa 2023 đến nay diễn ra trong điều kiện thời tiết nắng nóng, khô hạn, thiếu nước sản xuất. Diện tích các cây trồng bị ảnh hưởng do nắng hạn là 4.255,7 ha (cây lúa bị ảnh hưởng là 3.590 ha; cây ngô bị ảnh hưởng là 615,70 ha; cây mía bị ảnh hưởng là 50 ha).

- Hiện nay tại một số vùng diện tích không sản xuất lúa vụ Hè thu, vụ Mùa xen với diện tích sản xuất khá lớn. Những diện tích này sẽ là nơi tạo nguồn thức ăn, nơi tồn lưu, cư trú thuận lợi cho nhiều loại sinh vật gây hại như: Chuột, châu chấu, sâu đục thân, rầy, ... chuyển tiếp từ vụ này sang vụ khác.

- Tình hình sâu bệnh hại chính:

+ Trên cây lúa: Các đối tượng sâu bệnh phát sinh gây hại chính gồm: Sâu cuốn lá nhỏ nhiễm 4.722 ha (lúa 4: 466 ha, lúa 5: 3.500 ha, lúa 6: 756 ha); Rầy các loại 2.570 ha; Sâu đục thân 401,5 ha; Sâu keo 41,5 ha; Ốc bươu vàng 415 ha; Bạc lá, đốm sọc vi khuẩn 67 ha; Khô vằn 9.552 ha; Đốm nâu 70 ha; Chuột 285 ha; nhện gié 35,7 ha. Các đối tượng dịch hại khác phát sinh gây hại cục bộ ở mức độ nhẹ.

+ Trên cây ngô, lạc, rau màu: Các đối tượng sinh vật gây hại chính phát sinh gây hại cục bộ, ở mức độ nhẹ.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TỔ CHỨC SẢN XUẤT CÂY TRỒNG NÔNG NGHIỆP VỤ ĐÔNG NĂM 2023

I. NHẬN ĐỊNH TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG 2023

1.1. Nhận định về khí tượng

Theo Dự báo của Đài Khí tượng – Thủy văn Bắc Trung Bộ tình hình khí tượng, thủy văn từ tháng 8 đến tháng 12 năm 2023 như sau:

- *Hiện tượng ENSO:* Hiện nay, trạng thái khí quyển và đại dương đã ở trong điều kiện El Nino. Dự báo trong ba tháng tới, El Nino tiếp tục duy trì với xác suất khoảng 85-95%.

* *Bão và Áp thấp nhiệt đới:*

- Từ cuối tháng 7 đến tháng 10/2023, có khoảng 05 - 07 cơn bão và ATNĐ hoạt động trên Biển Đông, trong đó có khoảng 01 - 02 cơn ảnh hưởng trực tiếp đến khu vực Bắc Trung Bộ.

- Bão và ATNĐ gây ra gió mạnh, sóng lớn ảnh hưởng đến các hoạt động trên các vùng biển; ngoài ra, hiện tượng mưa lớn, nắng nóng, đông, lốc, mưa đá trong giai đoạn chuyển mùa có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động sản xuất.

** Nhiệt độ, nắng nóng:*

Nắng nóng tiếp tục xảy ra tại khu vực Bắc Trung Bộ trong tháng 8/2023 với số ngày nắng nóng cao hơn so với TBNN cùng thời kỳ. Tháng 9 nắng nóng vẫn còn có khả năng xảy ra nhưng với cường độ không gay gắt.

Nhiệt độ tại Nghệ An: Trung bình từ tháng 8 - 10/2023 phổ biến cao hơn so với TBNN từ 0,5°C. Tháng 8 nhiệt độ trung bình từ 28,0 - 29,5°C; tháng 9 nhiệt độ trung bình từ 27,0 - 28,0 °C, tháng 10 nhiệt độ trung bình từ 24,5 - 25,5 °C.

Từ tháng 11/2023- 01/2024, nhiệt độ trung bình phổ biến ở mức cao hơn khoảng 0,5-1,5°C so với TBNN cùng thời kỳ.

** Lượng mưa tại Nghệ An:*

Tháng 8/2023: lượng mưa 250-350 mm, TLM có xu hướng cao hơn 5-15% so với TBNN cùng thời kỳ.

Tháng 9/2023: lượng mưa 250-450 mm, TLM có xu hướng xấp xỉ so với TBNN cùng thời kỳ.

Tháng 10/2023: lượng mưa 180-480 mm, TLM có xu hướng thấp hơn 10-20% so với TBNN cùng thời kỳ.

Tháng 11-12/2023: TLM có xu hướng cao hơn so với TBNN cùng thời kỳ từ 5-15%.

** Dự báo thủy văn và nguồn nước*

Từ nửa cuối tháng 7 đến hết tháng 9/2023, trên các sông từ Thanh Hóa đến Hà Tĩnh có khả năng xuất hiện 03 – 04 đợt lũ và một số đợt dao động.

Trong tháng 10/2023, trên các sông khu vực Bắc Trung Bộ có khả năng xuất hiện 01 – 02 đợt lũ, đỉnh lũ trên các sông có khả năng ở mức thấp hơn so với TBNN cũng như thấp hơn so với năm 2022 cùng kỳ.

Lưu lượng dòng chảy trên các sông khu vực Bắc Trung Bộ từ tháng 8 – 10/2023 phổ biến thấp hơn so với TBNN từ 10 – 50% cùng thời kỳ.

1.2. Thuận lợi, khó khăn trong sản xuất vụ Đông 2023

1.2.1. Thuận lợi

- Cấp ủy Đảng, chính quyền và các ban ngành, đoàn thể từ tỉnh đến địa phương quan tâm vào cuộc để tập trung chỉ đạo, phát triển sản xuất.

- Trung ương, Tỉnh và các địa phương có nhiều cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp như: Chính sách hỗ trợ khắc phục thiên tai, dịch bệnh, cơ

giới hóa, sơ chế bảo quản sản phẩm, liên kết sản xuất, ứng dụng KHCN vào sản xuất, chứng nhận sản phẩm nông nghiệp an toàn theo các tiêu chuẩn, xây dựng website thương mại điện tử để quảng bá giới thiệu sản phẩm, ... nhằm khuyến khích nông dân yên tâm, đầu tư phát triển sản xuất.

- Một số diện tích vụ Hè thu - Mùa không sản xuất được do thiếu nước sẽ thuận lợi để sản xuất vụ Đông sớm, nhất là việc mở rộng diện tích cây vụ Đông trên những diện tích đất lúa vụ Hè thu - Mùa không sản xuất được.

- Đã hình thành các vùng sản xuất chuyên canh với từng loại cây trồng tạo tiền đề cho thực hiện liên kết, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

- Các tiến bộ kỹ thuật về giống, công nghệ tưới, nhà lưới, nhà màng và các tiêu chuẩn sản xuất an toàn (VietGAP, hữu cơ,...), cơ giới hóa đã và đang được áp dụng vào sản xuất có hiệu quả sẽ nâng cao giá trị sản xuất.

- Các mô hình liên kết sản xuất (ngô sinh khối, ngô ngọt, rau các loại, khoai tây,...) đã được khẳng định, cho hiệu quả và các HTX kiểu mới ngày càng hoạt động có hiệu quả sẽ là điều kiện thuận lợi trong việc thúc đẩy liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp, tạo thu nhập ổn định, bền vững cho nông dân.

- Công tác dự tính, dự báo tình hình thời tiết, thiên tai, thủy lợi, dịch hại cây trồng ngày càng chính xác và cập nhật thường xuyên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chỉ đạo sản xuất, phòng trừ dịch hại, hạn chế thiệt hại do thiên tai gây ra.

1.2.2. Khó khăn

- Theo dự báo của Đài Khí tượng Thủy văn Bắc Trung Bộ, từ tháng 7 - 10 có khoảng 01 - 02 cơn ảnh hưởng trực tiếp đến khu vực Bắc Trung Bộ, hiện tượng mưa lớn, dông, lốc, mưa đá trong giai đoạn chuyển mùa trùng với thời điểm gieo trồng. Do đó, nguy cơ cao gây gây thiệt hại và ảnh hưởng đến sản xuất các cây trồng vụ Đông.

- Nhân lực lao động sản xuất vụ Đông thiếu do xu hướng chuyển dịch sang ngành nghề khác, chất lượng nhân lực thấp do già hóa, trong khi cơ giới hoá khâu làm đất trên đất lúa còn hạn chế nên sẽ ảnh hưởng đến tiến độ, mở rộng diện tích, tiếp cận, áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao vào sản xuất.

- Công tác chỉ đạo, tổ chức sản xuất và nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp ở một số nơi vẫn chưa thực sự quyết liệt và chưa tương xứng với tiềm năng.

- Nguy cơ chuột, sâu keo mùa thu và các đối tượng cào cào, châu chấu, rệp, sâu xanh, sâu khoang, ... tiềm ẩn phát sinh gây hại đối với cây trồng vụ Đông.

- Hệ thống thủy lợi tuy đã được đầu tư, nâng cấp, cải tạo nhưng vào mùa mưa lũ vẫn chưa đảm bảo khả năng tiêu thoát nước kịp thời, ảnh hưởng đến sản xuất các cây trồng vụ Đông.

- Công tác xúc tiến thị trường, tiêu thụ sản phẩm cho nông dân còn gặp khó khăn. Đầu ra cho các sản phẩm nông nghiệp nói chung và vụ Đông nói riêng còn thiếu ổn định sẽ ảnh hưởng đến phong trào sản xuất vụ Đông.

II. PHƯƠNG HƯỚNG, MỤC TIÊU

2.1. Phương hướng

- Tập trung chỉ đạo phần đầu sản xuất đạt mức cao nhất về diện tích, năng suất, sản lượng theo kế hoạch đề ra với phương châm sản xuất an toàn và phát huy mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển sản xuất theo hướng hàng hóa, có hiệu quả kinh tế cao, gia tăng giá trị sản xuất, góp phần quan trọng vào hoàn thành kế hoạch sản xuất nông nghiệp năm 2024. Trong đó, tăng cường chỉ đạo đẩy mạnh mở rộng diện tích cây trồng mang lại giá trị kinh tế cao. (*Cây ngô lấy hạt, ngô sinh khối, ngô thu hoạch bắp tươi. Cây rau đẩy mạnh diện tích theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao đảm bảo sản phẩm an toàn, truy xuất được nguồn gốc sản phẩm và hình thành các vùng chuyên canh*).

- Đẩy mạnh liên kết giữa nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và bao tiêu sản phẩm nhằm nâng cao giá trị và ổn định sản xuất.

2.2. Mục tiêu

Toàn tỉnh phần đầu gieo trồng 35.185 ha cây trồng vụ Đông các loại (Ngô, lạc, rau đậu các loại, khoai lang, khoai tây). Trong đó, diện tích trên đất bãi ven sông khoảng 7.765 ha, diện tích đất màu ven biển khoảng 4.518 ha, diện tích trên đất lúa 2.850 ha và diện tích trên đất màu đồng khoảng 20.052 ha. Mục tiêu phần đầu về diện tích, năng suất, sản lượng của các cây trồng như sau:

TT	Loại cây trồng	Diện tích (ha)	Năng suất (tạ/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Cây ngô	19.500		
	<i>Trong đó: Ngô trên đất 2 lúa</i>	<i>2.100</i>		
1.1	Cây ngô lấy hạt	14.500	48,5	70.325,0
1.2	Ngô lấy thân lá làm thức ăn cho bò	5.000	320,0	160.000,0
2	Cây lạc	1.400	26,5	3.710,0
3	Rau đậu các loại	12.600	140,0	176.400,0
	<i>Trong đó: Diện tích rau trên đất lúa</i>	<i>548</i>	<i>140,0</i>	<i>7.672,0</i>
4	Khoai lang	1.390	70,0	9.730,0
	<i>Trong đó: Diện tích khoai lang trên đất lúa</i>	<i>202</i>	<i>70,0</i>	<i>1.414,0</i>
5	Khoai tây	295	190,0	5.605,0
	<i>Trong đó: Diện tích khoai tây thực hiện liên kết tiêu thụ sản phẩm</i>	<i>225</i>	<i>190</i>	<i>4.275,0</i>

(Chỉ tiêu cụ thể cho từng huyện, thành, thị ở phần phụ lục 02 kèm theo)

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

3.1. Giải pháp bố trí vùng sản xuất

Căn cứ vào lợi thế từng vùng, điều kiện tự nhiên, vị trí địa lý và trình độ thâm canh của các địa phương để có định hướng xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu sản xuất các cây trồng sát với tình hình thực tế, bố trí các vùng sản xuất an toàn gắn với thị trường tiêu thụ nhằm nâng cao giá trị thu nhập trên đơn vị diện tích.

- Đối với sản xuất trên đất lúa: Bố trí sản xuất trên những vùng chủ động tưới tiêu, thoát nước tốt nhằm sản xuất an toàn và đảm bảo thời vụ lúa Xuân năm sau. Ưu tiên sử dụng các loại cây trồng có giá trị như bầu bí, dưa chuột, ... hoặc ngô sinh khối, ngô thu hoạch bắp tươi và lựa chọn giống có thời gian sinh trưởng ngắn để gieo trồng.

- Với những vùng chuyên canh sản xuất các loại rau, củ, quả, cần tập trung chỉ đạo, tuyên truyền để thúc đẩy mở rộng diện tích các loại rau củ quả an toàn theo các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, ... Đồng thời cần có dự báo nhu cầu thị trường để phát triển diện tích từng giống rau gắn với liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Các địa phương căn cứ vào điều kiện, lợi thế để có thể mở rộng, phát triển diện tích các loại rau lấy củ, quả có thời gian bảo quản dài hơn nhằm giải quyết một phần khâu tiêu thụ.

3.2. Giải pháp về kỹ thuật

3.2.1. Bố trí cơ cấu giống và thời vụ

a) Thời vụ:

* Cây ngô:

- Trên đất 2 lúa:

+ Chỉ đạo sản xuất theo vùng tập trung để thuận lợi trong việc đưa cơ giới hóa vào sản xuất, chủ động tưới tiêu nước. Khuyến cáo trồng ngô sinh khối, ngô thu hoạch bắp tươi và sử dụng giống ngắn ngày để rút ngắn thời gian sinh trưởng, giảm áp lực thời vụ.

+ Tiến hành làm đất và gieo trồng ngô sau khi thu hoạch lúa Hè thu và phải căn cứ vào thời gian sinh trưởng của giống, mục đích trồng ngô lấy hạt, ngô sinh khối hay ngô thu hoạch bắp tươi để bố trí thời vụ thích hợp nhằm đảm bảo thời vụ lúa Xuân năm sau; tùy vào điều kiện thực tế từng địa phương và có thể kết thúc gieo trồng trước 30/9.

- Trên vùng đất cát ven biển thoát nước tốt, vùng đồi vệ, vùng lúa cao cường chuyển sang làm màu: Tranh thủ điều kiện thời tiết thuận lợi, đất đủ ẩm, ... tiến hành gieo trồng ngay và kết thúc gieo xong trước ngày 20/9.

- Trên vùng đất màu bãi ven sông: Căn cứ vào thực tế tại địa phương và tình hình thời tiết hết mưa lụt mới tiến hành gieo trồng.

* *Cây lạc*: Kết thúc gieo trồng trước ngày 10/9.

* *Cây rau các loại*:

- Trên đất 2 lúa, căn cứ vào thời gian thu hoạch lúa Hè thu, thời gian sinh trưởng của từng loại rau và tình hình thời tiết để gieo trồng sao cho thu hoạch trước ngày 05/01/2023 để không ảnh hưởng đến thời vụ lúa Xuân năm sau.

- Trên những diện tích đất màu, tùy từng loại cây như rau ăn lá, rau lấy củ, rau lấy quả, ... có thể trồng từ đầu tháng 9 trở đi và gieo trồng nhiều lứa/vụ.

* *Cây khoai lang*: Trồng từ 10/9 - 05/10. Trên đất lúa, kết thúc trồng trước ngày 15/9 để đảm bảo lúa Xuân năm sau.

* *Cây khoai tây*: Trồng từ ngày 01-10/11.

* *Cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm*: Trên cơ sở kế hoạch cả năm, các địa phương rà soát lại diện tích chưa thực hiện, chuẩn bị tốt giống cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày, ... tranh thủ lúc thời tiết thuận lợi, tập trung chỉ đạo tổ chức trồng mới hoàn thành kế hoạch 2023 đề ra và chuẩn bị nhân giống phục vụ trồng mới kế hoạch năm 2024.

b) Cơ cấu giống:

* *Cây ngô*:

Các địa phương căn cứ vào đặc điểm vùng sản xuất, chân đất, thời vụ, thời gian sinh trưởng giống ngô, mục tiêu sử dụng, khả năng thâm canh của địa phương mình để lựa chọn các giống ngô phù hợp nhất đưa vào cơ cấu để tập trung chỉ đạo, hướng dẫn nông dân gieo trồng đạt kết quả cao nhất.

- Mỗi địa phương lựa chọn cơ cấu từ 4 - 6 loại giống với phương châm ưu tiên sử dụng các giống có tiềm năng năng suất cao, chất lượng, có khả năng chống chịu tốt với sâu bệnh. Đối với sâu keo mùa thu trên cây ngô, ưu tiên sử dụng những giống ngô chuyển gen nhằm hạn chế gây hại của sâu keo mùa thu.

+ Cây ngô trồng lấy hạt, sử dụng các giống chủ lực như: DK6919S, NK66Bt/GT, LVN14, CP511, ...

+ Các giống ngô có sinh khối lớn như: NK7328, ...

+ Ngô lấy bắp ăn tươi sử dụng các giống: HN68, MX6, ...

- Đối với các diện tích ngô trên đất 2 lúa và đất bãi ven sông suối dễ xảy ra ngập lụt: Ưu tiên sử dụng các giống ngô lấy bắp ăn tươi, ngô sinh khối.

- Những vùng trồng ngô sinh khối có hợp đồng thu mua với các đơn vị bao tiêu sản phẩm: Sử dụng các giống ngô có sinh khối lớn, căn cứ vào hợp đồng thu mua và thời gian sinh trưởng của giống để lựa chọn thời gian gieo trồng thích hợp nhằm đảm bảo đúng tiến độ thu hoạch.

(Chi tiết tại phụ lục 03)

- * *Cây lạc*: Sử dụng giống L14, L23, L26, TB 25, sen lai 75/23, TK10, L20, ...
- * *Cây khoai lang*: Sử dụng các giống: Khoai lang KLC266, KL20-209, K4, ...
- * *Cây khoai tây*: Có thể sử dụng các giống khoai tây Atlantic, Marabel, Diamant, Solara, ... *(phải có kế hoạch chuẩn bị nguồn giống chất lượng)*, ...
- * *Các loại rau*: Trên cơ sở đất đai, điều kiện từng vùng, quy trình kỹ thuật đã được tập huấn, các mô hình đã được xây dựng và đánh giá có hiệu quả, ... để lựa chọn các giống rau thích hợp cho từng vùng, từng địa phương và có dự báo nhu cầu thị trường tiêu thụ để mở rộng diện tích. Có thể sử dụng các giống rau như:

- Rau lấy lá, hoa:

+ *Rau cải*: Cải ngọt, cải bẹ dưa, cải bẹ mào gà, cải bó xôi, cải ngồng, ...

+ *Bắp cải*: KK cross, Thúy Phong, ...

+ *Súp lơ*: Mantop, Green Magic, Thanh Hoa, ...

- Rau lấy củ:

+ *Cà rốt*: Takii 103, Takii 108, Takii 444, ...

+ *Su hào*: Worldcol B52, Winner

- Rau lấy quả:

+ *Bí xanh*: Bí xanh số 1, Nova 209, An Điền 686, ...

+ *Cà chua*: Savior, VT10, NH 2764, C95, Tre việt 10, ...

+ *Dưa chuột*: PC4, PN- 636, VL-639, Kichi 207, ...

(Chi tiết tại phụ lục 04)

Chú ý: Trên cơ sở khung thời vụ và các giống nêu trong Đề án, tùy vào điều kiện cụ thể của từng địa phương, từng vùng và diễn biến mưa lũ để các địa phương xem xét, tính toán có kế hoạch gieo trồng sát với tình hình thực tế vừa giảm thiểu được thiệt hại do mưa lũ, vừa đảm bảo cho năng suất cao và không ảnh hưởng đến kế hoạch gieo trồng cây trồng vụ Xuân 2024.

3.2.2. Phân bón

Bón đủ, bón đúng theo hướng dẫn của quy trình thâm canh từng giống đảm bảo cho cây sinh trưởng, phát triển tốt để khai thác tối đa tiềm năng năng suất của các giống. Do đặc thù của sản xuất vụ Đông ở Nghệ An thường xảy ra nhiều đợt mưa lớn, kéo dài, vì vậy sử dụng phân bón cần lưu ý:

- Thực hiện nguyên tắc bón phân cân đối; Tăng cường sử dụng các loại phân bón hữu cơ, hữu cơ vi sinh, hữu cơ sinh học hoặc tận dụng các phụ phẩm nông nghiệp để ủ phân hữu cơ bằng các chế phẩm sinh học, ... nhằm giảm thiểu lượng phân bón hóa học, đồng thời giúp cây trồng dễ hấp thu, cho sinh trưởng, phát triển khoẻ chống chịu tốt với điều kiện bất thuận, đồng thời cải tạo tính chất đất.

- Để giảm thất thoát phân do mưa lớn đối với các loại cây trồng, chọn thời điểm bón tùy theo điều kiện thời tiết, từng chân đất và đối tượng cây trồng cụ thể theo quy trình từng cây.

3.2.3. Công tác Bảo vệ thực vật

- Xây dựng phương án theo dõi và phòng trừ sâu bệnh hại cây trồng vụ Đông trong đó cần đặc biệt chú ý các đối tượng sâu, bệnh hại chính như: Chuột, châu chấu, sâu keo mùa thu hại ngô; bọ trĩ, sâu xanh, sâu tơ, rệp các loại, bệnh sương mai, mốc sương, thán thư, đốm lá, héo xanh vi khuẩn, ... hại rau màu.

- Áp dụng biện pháp quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), hạn chế sử dụng thuốc BVTV hóa học, ưu tiên sử dụng các loại thuốc sinh học, thuốc có nguồn gốc sinh học để phòng trừ theo nguyên tắc 4 đúng.

3.2.4. Công tác thủy lợi

- Tổ chức tốt công tác thủy lợi bằng việc tu sửa, nạo vét kênh mương, công trình, thiết bị cơ điện, nạo vét kênh dẫn, bể hút các trạm bơm. Đảm bảo 100% các máy và công trình đều vận hành tốt phục vụ sản xuất.

- Có phương án chủ động ứng phó khi xảy ra mưa lớn, lũ gây ngập úng đối với cây trồng vụ Đông, trong đó cần quan tâm cây rau, lạc và một số vùng ngô trên đất 2 lúa trong mùa mưa bão.

- Giải quyết tốt nhu cầu nước tưới cho cây rau và ngô trên đất 2 lúa (nhất là thời kỳ ngô trổ cờ, phun râu).

- Cần quan tâm để cải thiện cơ sở hạ tầng giao thông nông thôn, như hệ thống thủy lợi để thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp.

3.3. Ứng dụng các tiến bộ KHCN; nhân rộng các mô hình an toàn theo các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ

- Đẩy mạnh việc ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, KHCN, cơ giới hóa trong sản xuất và các quy trình sản xuất an toàn theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ trên rau, củ, quả các loại... thông qua việc tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ người dân, có các chính sách cũng như thu hút các tổ chức, cá nhân vào để mở rộng những diện tích này.

- Duy trì và phát triển các diện tích rau củ quả an toàn theo các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ, các mô hình sản xuất trong nhà lưới, nhà màng,....

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giới thiệu các mô hình đạt kết quả tốt, các tiến bộ kỹ thuật đã được khẳng định, ... để nông dân hiểu và thực hiện.

3.4. Đẩy mạnh liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm

- Các địa phương căn cứ vào các chính sách hiện hành cũng như trích ngân sách của địa phương để hỗ trợ, khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp kiểu mới trong tổ chức thực hiện, tìm kiếm để làm cầu nối liên kết giữa nông dân với doanh nghiệp trong sản xuất theo chuỗi giá trị.

- Duy trì các mô hình liên kết đã có; xây dựng các mô hình liên kết mới; Đồng thời tăng cường công tác tuyên truyền, giới thiệu các mô hình liên kết sản xuất có hiệu quả để duy trì và nhân rộng.

- Các địa phương căn cứ vào kế hoạch sản xuất của mình để giới thiệu sản phẩm, tích cực trong việc kêu gọi, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân vào liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cho người dân.

- Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân sử dụng thêm phương thức kinh doanh, bán hàng trên sàn thương mại điện tử nhằm giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ các sản phẩm của địa phương nhằm thúc đẩy thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền trên Hệ thống đài truyền thanh cơ sở để nhân dân biết, nắm bắt được cơ chế, chính sách hỗ trợ các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông sản tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử.

3.5. Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp

- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các sai phạm trong sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật,... tại các địa phương theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước. Đảm bảo hàng hoá phục vụ sản xuất, lưu thông trên thị trường có chất lượng tốt, giá cả hợp lý phục vụ kịp thời kế hoạch sản xuất đề ra.

- Các địa phương tổ chức quản lý tốt vật tư nông nghiệp (giống, phân bón, thuốc BVTV,...) trên địa bàn mình đúng theo các quy định của nhà nước.

3.6. Giải pháp cơ chế chính sách

Thực hiện đầy đủ các chính sách của Chính phủ và UBND tỉnh gồm:

- Chính sách hỗ trợ giống, tưới, máy nông nghiệp, hỗ trợ tập trung ruộng đất, hỗ trợ tiêu thụ nông sản theo chuỗi, sản xuất nông sản ứng dụng CNC trong nhà lưới nhà màng, chứng nhận sản phẩm nông nghiệp an toàn theo các tiêu chuẩn, xây dựng website, hỗ trợ tiêu thụ,...trên địa bàn tỉnh Nghệ An theo Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021.

- Chính sách hỗ trợ nông dân có cây trồng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh để khôi phục sản xuất theo Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 05/6/2017.

- Chính sách hỗ trợ đầu tư máy móc trang thiết bị, xây dựng nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sở chế biến, chế biến, tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ 50% chi phí giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của HTX,...theo Nghị Quyết số 13/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của HĐND tỉnh Nghệ An.

- Ngoài chính sách của tỉnh đề nghị UBND các huyện, thành, thị cần chủ động trích ngân sách địa phương, khai thác tối đa mọi nguồn lực để thực hiện các chính sách của địa phương, hỗ trợ nông dân đầu tư phát triển sản xuất, đặc biệt là mở rộng mô hình có hiệu quả tại địa phương.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Sở Nông nghiệp và PTNT

- Thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước trên địa bàn Tỉnh về nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Phối hợp với các ngành, các địa phương, các tổ chức trong việc chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Đề án sản xuất vụ Đông. Thành lập các đoàn kiểm tra, chỉ đạo việc sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, nông sản phẩm theo chỉ đạo, hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT và UBND tỉnh.

- Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn của Sở và các đơn vị ngành hàng liên quan thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

4.1.1. Phòng Quản lý Kỹ thuật và KHCN

- Chủ trì phối hợp với Chi cục Trồng trọt và BVTV tham mưu cho Lãnh đạo Sở trong công tác chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc; tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, khó khăn vướng mắc thực hiện Đề án sản xuất vụ Đông năm 2023.

- Tham mưu chỉ đạo đẩy mạnh việc mở rộng thực hiện các mô hình, tiến bộ kỹ thuật có hiệu quả như: VietGAP, hữu cơ, rau trên đất 2 lúa,...

- Tham mưu chỉ đạo Trung tâm Khuyến nông trong xây dựng kế hoạch và các nội dung tập huấn, tuyên truyền để hướng dẫn, phổ biến đề án đến tận người dân. Xây dựng các mô hình trình diễn các tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng công nghệ cao, sản xuất an toàn theo các tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ,... làm cơ sở khoa học và thực tiễn để mở rộng sản xuất ở các năm sau.

- Phối hợp với Chi cục Thủy lợi tham mưu công tác tưới tiêu, phòng chống bão lụt,...

- Đầu mối khâu nối, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng như: Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Nghệ An,... và các địa phương xây dựng các chương trình tuyên truyền hướng dẫn, khuyến cáo nông dân thực hiện tốt các biện pháp kỹ thuật thâm canh, phòng trừ sâu bệnh hại do cơ quan chuyên môn đề ra.

4.1.2. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

- Phối hợp với các địa phương tuyên truyền; kiểm tra, cập nhật tình hình sản xuất, tình hình dịch hại cây trồng để tham mưu kịp thời các giải pháp trong chỉ đạo sản xuất đạt hiệu quả.

- Thường xuyên phối hợp với Trung tâm Khí tượng thủy văn Bắc Trung bộ để theo dõi, nắm tình hình diễn biến của thời tiết, nhất là tình hình mưa bão, đông lạnh và các diễn biến bất thường khác ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. Tham mưu đề xuất các phương án để chỉ đạo các địa phương thực hiện các biện pháp ứng phó hiệu quả với những tình huống thời tiết bất thuận để giảm thiểu tối đa thiệt hại đến cây trồng.

- Xây dựng và đề xuất các phương án khắc phục thiệt hại nếu xảy ra thiên tai bão lụt, dịch bệnh cây trồng.

- Xây dựng phương án phòng chống sâu bệnh hại bảo vệ sản xuất vụ Đông gửi các địa phương làm cơ sở tổ chức thực hiện.

- Thường xuyên kiểm tra, dự báo tình hình sâu bệnh hại trên đồng ruộng. Phối hợp với chính quyền địa phương các cấp và thông qua các phương tiện thông tin đại chúng để tuyên truyền phổ biến, chỉ đạo nông dân tổ chức phòng trừ kịp thời, hiệu quả, không để dịch hại lây lan trên diện rộng gây thiệt hại đến sản xuất.

4.1.3. Chi cục Thủy lợi

- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ chiến dịch toàn dân ra quân làm thủy lợi nhân ngày 16/10 hàng năm đúng yêu cầu, thiết thực và kết hợp với diệt chuột.

- Kiểm tra, đôn đốc các địa phương, đơn vị trong công tác tưới tiêu phục vụ sản xuất, xây dựng phương án tiêu, thoát nước kịp thời cho cây trồng vụ Đông khi có mưa bão lớn gây ngập lụt.

- Đôn đốc đề các địa phương, đơn vị khẩn trương tu sửa kênh mương để vận hành tốt trong mùa mưa bão sắp tới, phục vụ sản xuất vụ Đông kịp thời.

4.1.4. Chi cục Phát triển nông thôn

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao của đơn vị, phối hợp chặt chẽ với UBND các huyện, thành phố, thị xã để triển khai thực hiện đề án, trong đó chú trọng tăng cường công tác quản lý, nâng cao hiệu quả hoạt động của các HTX nông nghiệp tham gia sản xuất vụ Đông; hỗ trợ, khuyến khích các HTX tăng cường liên doanh, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong vụ Đông và triển khai thực hiện có

hiệu quả chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

4.1.5. Chi cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản

- Tập trung quản lý, giám sát chất lượng an toàn thực phẩm và kết nối tiêu thụ, xúc tiến thương mại, quảng bá, giới thiệu sản phẩm giúp sản xuất đạt hiệu quả cao.

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát, hướng dẫn thực hiện sản xuất an toàn nhất là các sản phẩm rau, củ, quả,...

- Chủ trì kết nối tiêu thụ nông sản, tham mưu phương án tiêu thụ sản phẩm khi có nguy cơ khó khăn trong công tác tiêu thụ nông sản trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với các sàn thương mại điện tử, UBND cấp huyện và các ban ngành khác để tổ chức, hướng dẫn, tuyên truyền, tập huấn, hỗ trợ các cơ sở sản xuất kinh doanh nông sản trên địa bàn nhằm kết nối, giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm trên sàn thương mại điện tử.

4.1.6. Trung tâm Khuyến nông

- Tổ chức tuyên truyền Đề án sản xuất cây trồng vụ Đông, hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật để sản xuất thâm canh cây trồng vụ Đông đến tận người sản xuất.

- Xây dựng các mô hình trình diễn các tiến bộ kỹ thuật mới, ứng dụng công nghệ cao. Phối hợp với các địa phương mở rộng các mô hình cây trồng vụ Đông có hiệu quả kinh tế cao như: dưa chuột, bí xanh, ngô thức lấy thân lá làm thức ăn cho bò, khoai tây liên kết,... và các tiến bộ kỹ thuật khác.

4.1.7. Trung tâm Giống cây trồng

Tổ chức triển khai, bố trí các mô hình để theo dõi, đánh giá về tiềm năng năng suất, thời gian sinh trưởng của các giống được cơ cấu tại Đề án này để có báo cáo đánh giá ở cuối vụ gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT qua (Phòng quản lý kỹ thuật và KHCN).

4.1.8. Các đơn vị khác thuộc Sở: Căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình để triển khai, thực hiện góp phần vào thắng lợi sản xuất vụ Đông 2023.

4.2. UBND các huyện, thành phố, thị xã

a) Trên cơ sở Đề án sản xuất cây trồng vụ Đông 2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT, căn cứ vào đặc điểm địa hình, đất đai, khí hậu và trình độ thâm canh, ... của địa phương mình để xây dựng kế hoạch, đề án sản xuất vụ Đông cụ thể, sát với thực tế địa phương nhằm phát huy tối đa các lợi thế sẵn có. Đề án, kế hoạch phải thể hiện sự phấn đấu cao, các chỉ tiêu phải vượt trội và các giải pháp tổ chức chỉ đạo thực hiện phải tích cực, quyết liệt để đảm bảo giành thắng lợi.

b) Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước và công tác chỉ đạo sản xuất ở địa phương trên các phương diện:

- Tổ chức chỉ đạo sản xuất một cách quyết liệt, phân vùng để chỉ đạo sản xuất để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Chỉ đạo sản xuất theo vùng tập trung để thuận lợi trong việc đưa cơ giới hóa vào sản xuất, chủ động tưới tiêu nước nhất là diện tích ngô, rau trên đất lúa để tăng diện tích.

- Tổ chức chỉ đạo diệt chuột bảo vệ cây vụ Đông tập trung, ngay từ đầu vụ kết hợp với toàn dân ra quân làm thủy lợi, khơi thông dòng chảy.

- Tăng cường công tác thanh, kiểm tra để quản lý chất lượng giống, các loại phân bón và thuốc BVTV trên địa bàn, xử lý nghiêm các trường hợp cung ứng vật tư nông nghiệp không đảm bảo chất lượng để bảo vệ tốt quyền lợi cho người nông dân.

- Theo dõi diễn biến thời tiết và có các biện pháp phòng chống trong mùa mưa bão; thống kê tổng hợp tình hình thiệt hại, báo cáo Chi cục Trồng trọt và BVTV để tham mưu sở Nông nghiệp và PTNT phương án xử lý kịp thời.

- Quản lý, chỉ đạo các tổ chức cá nhân trong việc cung ứng giống cây trồng, phân bón, vật tư đầu vào,... phục vụ sản xuất trên địa bàn thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật.

- Thành lập Ban chỉ đạo sản xuất vụ Đông cấp huyện; Phân công lãnh đạo UBND huyện, lãnh đạo các phòng, ban phụ trách chỉ đạo và chịu trách nhiệm cụ thể từng xã, cụm xã, phường, thị trấn. Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn nông dân thực hiện đúng các biện pháp kỹ thuật nhằm hạn chế ảnh hưởng của thời tiết và sâu bệnh hại.

- Chỉ đạo Trung tâm dịch vụ nông nghiệp tăng cường giám sát đồng ruộng, thực hiện tốt nhiệm vụ điều tra phát hiện, dự tính dự báo và chỉ đạo phòng trừ sinh vật gây hại cây trồng, trong đó chú ý các đối tượng như: chuột, sâu keo mùa thu hại ngô, ...Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ về tiến độ sản xuất, tình hình sinh vật gây hại cây trồng theo quy định.

- Căn cứ vào khả năng, điều kiện của địa phương để ban hành thêm các cơ chế hỗ trợ nông dân áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, phòng trừ thiên tai, dịch bệnh hại cây trồng ngoài chính sách của Tỉnh và Trung ương.

d) Đầu mối mời gọi các tổ chức, cá nhân vào xây dựng, mở rộng các mô hình liên kết sản xuất bao tiêu sản phẩm cây trồng vụ Đông để phát huy hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập cho người nông dân.

e) Phối hợp với các ban, ngành, đơn vị liên quan để hướng dẫn, tuyên truyền, hỗ trợ các tổ chức, cá nhân sử dụng thêm phương thức bán hàng trên sàn thương mại điện tử nhằm kết nối, giới thiệu, quảng bá và tiêu thụ sản phẩm.

f) Dự báo nhu cầu thị trường để có phương án sản xuất rải vụ thích hợp, phát triển mở rộng diện tích nhất là các loại rau, củ, quả đảm bảo an toàn theo các tiêu chuẩn, hình thành các vùng rau chuyên canh gắn với liên kết, tiêu thụ sản phẩm nhằm ổn định đầu ra cho nông dân.

định tại Quyết định số 3156/QĐ-BNN-TT ngày 19/8/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Hàng năm xây dựng kế hoạch cấp mã số vùng trồng theo hướng dẫn và thực hiện phân kỳ cụ thể kế hoạch cấp mã số vùng trồng cho từng đối tượng cây trồng có nhu cầu theo hướng dẫn số 305/SNN-QLKTKHCN ngày 07/02/2023 của Sở Nông nghiệp và PTNT.

h) Phối hợp với các Chi cục thống kê để thống kê, thống nhất số liệu định kỳ báo cáo tiến độ sản xuất về Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật để tổng hợp tham mưu Sở báo cáo UBND tỉnh và Cục Trồng trọt. Trường hợp cần thiết và đột xuất Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật sẽ có công văn gửi các địa phương.

4.3. Các Sở, ban, ngành và đoàn thể, tổ chức chính trị xã hội

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT sớm tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định hỗ trợ kinh phí trồng ngô, rau màu các loại trên đất lúa và sản xuất khoai tây có liên kết, bao tiêu sản phẩm vụ Đông năm 2023.

- Các Sở, ban, ngành liên quan: Căn cứ chức năng nhiệm vụ phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT trong chỉ đạo tổ chức sản xuất trồng trọt vụ Đông 2023.

- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT: Tạo mọi điều kiện thuận lợi, đơn giản cho nông dân được vay đủ vốn để phục vụ sản xuất.

- Đối với các tổ chức chính trị xã hội: Căn cứ chức năng nhiệm vụ chính trị của mình xây dựng chương trình hành động thiết thực để lãnh đạo các cấp hội vận động hội viên, đoàn viên tham gia thực hiện tốt kế hoạch sản xuất vụ Đông 2023.

4.4. Các đơn vị cung ứng, doanh nghiệp, Hợp tác xã

- Các đơn vị cung ứng giống và vật tư, phân bón, Thuốc BVTV: Căn cứ vào Đề án sản xuất của Sở Nông nghiệp và PTNT để chủ động ký hợp đồng và chuẩn bị đủ vật tư nông nghiệp về giống, phân bón, thuốc BVTV, ... đảm bảo chất lượng, đúng cơ cấu đã được phê duyệt trong Đề án này, cung ứng kịp thời phục vụ tốt nhất cho sản xuất.

- Các doanh nghiệp, HTX bao tiêu sản phẩm cần tăng cường mở rộng các mô hình liên kết và bao tiêu các sản phẩm cây trồng vụ Đông với nông dân hoặc tổ chức đại diện nông dân như Hợp tác xã để ổn định đầu ra, nâng cao hiệu quả sản xuất.

V. ĐỀ NGHỊ

Vụ Đông năm 2023 là vụ sản xuất sẽ đối mặt với rất nhiều khó khăn thách thức như thiên tai (bão lụt); các loại dịch hại có nguy cơ phát sinh gây hại nặng như: chuột, sâu keo mùa thu, ... Do đó, để đảm bảo giành được thắng lợi, Sở Nông nghiệp và PTNT kính đề nghị UBND tỉnh:

1. Sớm ban hành Quyết định về hỗ trợ trồng ngô, rau, màu các loại trên đất lúa và sản xuất khoai tây có liên kết bao tiêu sản phẩm trong vụ Đông 2023. Sở Nông nghiệp và PTNT đã có Tờ trình số 2851/TTr-SNN-QLKTKHCN ngày 27/7/2023 trình UBND tỉnh về việc hỗ trợ kinh phí trồng ngô, rau màu các loại trên đất lúa và trồng khoai tây có liên kết, bao tiêu sản phẩm vụ Đông năm 2023; UBND tỉnh đã đồng ý chủ trương tại Công văn số 6406/UBND-NN ngày 03/8/2023.

2. Ban hành Chỉ thị về tăng cường sản xuất vụ Đông năm 2023 để huy động các nguồn lực, tập trung chỉ đạo hoàn thành thắng lợi sản xuất Đông năm 2023.

3. Chỉ đạo các ngành, các cấp và UBND các huyện, thành, thị tăng cường công tác chỉ đạo một cách quyết liệt, thường xuyên như: Ban hành các văn bản chỉ đạo; Thành lập ban chỉ đạo sản xuất, tiêu thụ sản phẩm cây trồng vụ Đông; Đồng thời trích ngân sách huyện để khuyến khích, hỗ trợ bà con nông dân trong sản xuất.

4. Các cơ quan thông tin đại chúng: Đài phát thanh - truyền hình tỉnh, Báo Nghệ An và các cơ quan thông tấn báo chí trên địa bàn dành thời lượng ưu tiên cho công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách về nông nghiệp, nông thôn, các biện pháp kỹ thuật trong vụ Đông 2023. Phối hợp với các cấp, các ngành kịp thời đưa tin, biểu dương những đơn vị, địa phương, cá nhân làm tốt và nhắc nhở những địa phương, đơn vị, cá nhân làm chưa tốt.

Trên đây là những nội dung chính của Đề án sản xuất trồng trọt vụ Đông 2023; Sở Nông nghiệp và PTNT rất mong nhận được sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, các Đoàn thể, UBND Huyện, sự phối hợp tạo điều kiện của các ngành, các huyện, thành, thị và sự hưởng ứng nhiệt tình của bà con nông dân trên toàn tỉnh nhằm mục tiêu đạt được kết quả cao trong vụ Đông 2023./.

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (để báo cáo);
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND Tỉnh (để báo cáo);
- Đ/c Nguyễn Văn Đệ PCT UBND Tỉnh (để báo cáo);
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh (để phối hợp);
- Các Đ/c Bí thư Huyện, thành, thị ủy;
- Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và PTNT (để chỉ đạo);
- UBND các huyện, thành, thị (để triển khai thực hiện);
- Các cơ quan thông tin đại chúng (để theo dõi, đưa tin);
- Các đơn vị liên quan (để thực hiện);
- Các phòng, đơn vị của Sở NN&PTNT (để thực hiện);
- Website Sở;
- Lưu VT, QLKT&KHCN, TT&BVTV.

GIÁM ĐỐC

Phùng Thành Vinh

Phụ lục 1a:**KẾT QUẢ SẢN XUẤT VỤ ĐỒNG 2022**

TT	Chỉ tiêu	Vụ Đông 2021	Vụ Đông 2022	So sánh 2022/2021		Kết quả vụ Đông 2022 so với kế hoạch	
				Tăng (+)	%	Tăng (+)	%
				Giảm (-)		Giảm (-)	
1	Cây Ngô						
	Tổng diện tích gieo trồng (ha)	18.033,08	18.408,8	375,72	102,08	-1.091,2	94,4
	Tổng diện tích thu hoạch (ha)	18.033,08	18.192,61	159,53	100,88	-1.307,4	93,30
1.1	- Diện tích gieo trồng ngô lấy hạt (ha)	16.599,32	16.464,92	-134,40	99,19	1.964,92	113,55
	- Diện tích thu hoạch ngô lấy hạt (ha)	16.599,32	16.251,75	-347,57	97,91	1.751,8	112,08
	- Năng suất thu hoạch (tạ/ha)	48,06	48,90	0,84	101,75	0,9	101,88
	- Sản lượng (tấn)	79.582,40	79.473,70	-108,70	99,86	9.873,7	114,19
1.2	Diện tích gieo trồng ngô sinh (ha)	1.433,76	1.940,86	507,10	135,37	-3.059,1	38,82
	Diện tích ngô sinh thu hoạch (ha)	1.433,76	1.940,86	507,10	135,37	-3.059,1	38,82
	- Năng suất thu hoạch (tạ/ha)	320,81	327,59	6,78	102,11	27,6	109,20
	- Sản lượng (tấn)	45.996,05	63.581,34	17.585,29	138,23	-86.418,7	42,39
2	Cây Lạc						
	- Diện tích gieo trồng (ha)	1.356,30	1.021,18	-335,12	75,29	-428,8	70,43
	- Diện tích thu hoạch (ha)	1.356,30	1.019,15	-337,15	75,14	-430,9	70,29
	- Năng suất thu hoạch (tạ/ha)	26,05	26,85	0,80	103,07	1,4	105,29
	- Sản lượng (tấn)	3.532,80	2.736,42	-796,38	77,46	-961,1	74,01
3	Cây Rau các loại						
	- Diện tích gieo trồng (ha)	12.668,95	12.308,8	-360,15	97,15	-191,2	98,47
	- Diện tích thu hoạch (ha)	12.668,95	12.275,45	-393,50	96,89	-224,5	98,20
	- Năng suất thu hoạch (tạ/ha)	140,5	142,18	1,68	101,20	2,2	101,56
	- Sản lượng (tấn)	178.003,74	174.532,01	-3.471,73	98,05	-468,0	99,73
4	Cây Khoai lang						
	- Diện tích gieo trồng (ha)	1.372,22	1.301,48	-70,74	94,84	-148,5	89,76
	- Diện tích thu hoạch (ha)	1.372,22	1.300,81	-71,41	94,80	-149,2	89,71
	- Năng suất thu hoạch (tạ/ha)	66,82	70,07	3,25	104,86	4,1	106,17
	- Sản lượng (tấn)	9.169,09	9.114,37	-54,72	99,40	-455,6	95,24
5	Cây Khoai tây						
	- Diện tích gieo trồng (ha)	268,97	286,35	17,38	106,46	-243,7	54,03
	- Diện tích thu hoạch (ha)	268,97	285,35	16,38	106,09	-244,7	53,84
	- Năng suất thu hoạch (tạ/ha)	151,62	192,64	41,02	127,05	42,6	128,43
	- Sản lượng (tấn)	4.078,08	5.496,98	1.418,90	134,79	-2.453,0	69,14

Phụ lục 1b: CÁC MÔ HÌNH THỰC HIỆN TRONG VỤ ĐÔNG 2022

TT	Địa điểm	Tên mô hình sản xuất	Diện tích (ha)	Lãi thu được(triệu đồng/ha)	Ghi chú
1	Xã Hùng Tiến, Trung Phúc Cường, Xuân Lâm, Thượng Tân Lộc, huyện Nam Đàn	Khoai tây	14,875	24-42	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
2	Xã Diên Hoàng, Hùng, Mỹ, Phong, Kỳ, Thành, An, Trung, Phong, huyện Diên Châu	Khoai tây	155	48-50	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
3	Xã Xuân Lam, huyện Hưng Nguyên	Khoai Tây	08	35,5	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
4	Xã Nghĩa Hợp, huyện Tân Kỳ	Khoai tây	03	28	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
5	Xã Thanh Yên, phong Thịnh, Thanh Liên, huyện Thanh Chương	Khoai tây	6,5	20	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
6	Xã Ngọc Sơn, Lam Sơn, Đặng Sơn huyện Đô Lương	Khoai tây	08	40	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
7	Xã Hùng Thành, Lãng Thành huyện Yên Thành	Khoai tây	9,1	30-40	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
8	Xã Môn Sơn, huyện Con Cuông	Bí xanh	2,2	200	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
9	Xã Thanh Hòa, Thanh Nho, Thanh Lĩnh, Thanh Chi, Thanh Khê, Thanh Xuân, Thanh Lâm, Đại Đồng, Thanh Phong, Đồng Văn, Thanh Ngọc, Thanh Dương Thanh Lương,, huyện Thanh Chương	Bí xanh	30	420	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
10	Xã Vĩnh Sơn - huyện Anh Sơn	Bí xanh an toàn	01	200	
11	Xã Tân Thành, Đồng Thành, huyện Yên Thành	Bí đỏ	4,3	80-90	
12	Xã Hưng Tân, huyện Hưng Nguyên	Dưa chuột trên đất lúa	18	130	

13	Xã Minh Thành, huyện Yên Thành	Dưa chuột trên đất lúa	08	100-120	
14	Xã Long xá, huyện Hưng Nguyên	Dưa chuột công nghệ cao	02	120	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
15	Phường Nghi Hương, Nghi Hòa, Nghi Thu, TX Cửa Lò	Dưa chuột	30	190	
16	Phường Đông Vĩnh, TP Vinh	Dưa chuột	0,6	200	
17	Xã H. Yên Nam, huyện Hưng Nguyên	Trồng tỏi	2,2	69,5	
18	Xã Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc	Hành tằm hướng VietGAP	1,95	150	
19	Xã Hưng Lĩnh, huyện Hưng Nguyên	Rau, quả các loại trong nhà lưới	0,5	150	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
20	Huyện Nghĩa Đàn	Mô hình rau, quả, dưa chuột trong nhà lưới	3,2	150	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
21	Xã Nghĩa Sơn, huyện Nghĩa Đàn	Rau công nghệ cao	15	160	Tập đoàn TH sản xuất và bán sản phẩm
22	Xã Nghi Thuận, huyện Nghi Lộc	Rau cải hướng VietGAP	7,2	65	
23	Xã Nghi Liên, TP Vinh	Rau an toàn	09	120	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
24	Xã Nghi Liên, TP Vinh	Măng tây	02	80	
25	Huyện Nghĩa Đàn	Ngô sinh khối	700	22	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
26	Nghi Hương, Nghi Hòa, TX Cửa Lò	Ngô nếp	64	100-120	
27	4 xã: Kỳ Tân, Tân Long, Tân Hương, Nghĩa Hợp, huyện Tân Kỳ	Ngô ngọt	24	20	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
28	Xã Thuận Sơn, huyện Đô Lương	Ngô ngọt	17	48	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
29	Phường Nghi Hương, Nghi Hòa, T.X Cửa Lò	Khoai lang	45	90	

30	Xã Long Xá, huyện Hưng Nguyên	Sâm ngưi bàng	02	200	Liên kết tiêu thụ sản phẩm
31	Xã Xuân Hòa, huyện Nam Đàn	Trồng thâm canh hoa cúc	0,5	350-400	
32	Phường Nghi Hương, Nghi Hòa, Nghi Thu, TX Cửa Lò	Trồng hoa cúc	01	250-300	
33	Hưng Thành, huyện Hưng Nguyên	Hoa và dâu tây	0,2	70	Liên kết tiêu thụ sản phẩm

2h

Phụ lục 02: KẾ HOẠCH DIỆN TÍCH CÁC CÂY TRỒNG VỤ ĐÔNG 2023 CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH, THỊ

TT	Toàn tỉnh	Cây ngô (ha)			Cây lạc (ha)	Cây Khoai tây (ha)		Cây Khoai lang (ha)		Cây rau các loại (ha)	
		Tổng diện tích	Trong đó			Tổng diện tích khoai tây sẽ thực hiện liên kết, bao tiêu sản phẩm	Tổng diện tích	Trong đó Khoai lang trên đất lúa	Tổng diện tích	Trong đó Rau đậu trên đất lúa	
			Diện tích Ngô trên đất lúa	Diện tích Ngô sinh khối làm thức ăn cho bò							
		19.500,0	2.280,0	5.000,0	1.400,0	295,0	225,0	1.390,0	202,0	12.600,0	548,0
1	Diễn Châu	1.550	60	500	800	200	150	150	0	850	50
2	Yên Thành	900	200	70	50	20	20	150	30	1.400	50
3	Quỳnh Lưu	750	150	340	80	15	10	200	50	1.600	200
4	TX Hoàng Mai	290	25	25	30	10	0	70	8	600	20
5	Nghi Lộc	1.050	145	35	200	20	20	40	0	900	0
6	Nam Đàn	2.450	530	650	23	0	0	228	35	1.500	0
7	Hung Nguyên	200	50	100	0	20	20	50	0	520	0
8	Đô Lương	1.100	160	100	55	0	0	95	39	600	138
9	TP Vinh	80	0	0	20	0	0	5	0	110	10
10	TX Cửa Lò	80	0	0	5	0	0	60	20	70	0
11	Thanh Chương	3.100	185	0	0	0	0	100	0	900	5
12	Tân Kỳ	1.600	0	1.200	0	5	5	0	0	600	0
13	Nghĩa Đàn	1.500	0	700	80	0	0	80	0	600	0
14	TX Thái Hoà	250	0	150	0	0	0	0	0	180	40
15	Quỳ Hợp	700	180	0	0	0	0	85	0	460	0
16	Quỳ Châu	350	20	5	40	0	0	0	0	350	0
17	Quế Phong	100	15	0	0	0	0	20	0	260	0
18	Anh Sơn	2.400	400	1.000	0	3	0	30	20	390	15
19	Con Cuông	650	100	120	2	0	0	22	0	210	0
20	Tương Dương	200	60	5	15	2	0	5	0	300	20
21	Kỳ Sơn	200	0	0	0	0	0	0	0	200	0

Ch

Phụ lục 03: Danh sách các giống ngô được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận chính thức, công nhận lưu hành và đã đưa vào sản xuất trong vụ Đông tại Nghệ An

TT	Tên giống	Thời gian sinh trưởng vụ Đông (ngày)	Năng suất trung bình (tạ/ha)	Ghi chú
A	GIỐNG CHỦ LỰC			
1	NK7328	112 - 117	55-60	Có sinh khối lớn
2	DK6919 S	105 - 110	55-60	Giống chuyển gen
3	NK66 BT/GT	110 - 115	55-60	Giống chuyển gen
4	LVN14	107 - 110	50-55	
5	CP511	105 - 110	55-60	
6	HN68	65 - 70	45-50	Thu hoạch ăn tươi
7	MX6	65 - 70	45-50	Thu hoạch ăn tươi
B	NGOÀI RA CÓ THỂ SỬ DỤNG CÁC GIỐNG SAU			
I	NGÔ LẤY HẠT			
1	LVN10	117 - 120	55-60	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt; sản xuất vụ Đông sớm
2	PAC999 Super	115 - 120	50-55	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt; sản xuất vụ Đông sớm
3	PAC 339	115 - 120	50-55	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt; sản xuất vụ Đông sớm
4	P 4311	115 - 120	50-55	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt; sản xuất vụ Đông sớm
5	NK6275	115 - 120	55-60	Vùng đất màu bãi không bị ngập lụt; sản xuất vụ Đông sớm
6	P4199	110 - 115	55-60	
7	TC14-1	110 - 115	55-60	
8	PAC 789	110 - 115	50-55	
9	PAC 995	110 - 115	55-60	
10	NK4300	110 - 115	50-55	
11	CP519	110 - 115	55-60	
12	VS201	110 - 115	55-60	
13	PSC 102	105 - 110	55-60	
14	CP512	105 - 110	55-60	
15	MK668	105-110	55-60	
16	LVN61	105 - 110	55-60	

17	SSC557	100 - 110	55-60	
18	LVN17	102 - 110	50-55	
19	CP811	105 - 110	55-60	
II	NGÔ CHUYỂN GEN			
1	NK4300 BT/GT	105 - 115	55-60	Giống chuyển gen
2	DK9955S	105 - 110	55-60	Giống chuyển gen
3	DK6818S	110 - 115	55-60	Giống chuyển gen
4	CP 501S	110 - 115	55-60	Giống chuyển gen
5				
III	NGÔ CÓ SINH KHỐI LỚN			
1	AVA3668	105 - 110	50-55	Có sinh khối lớn
2	AG69	105 - 110	55-60	Có sinh khối lớn
3	SSC 586	105 - 110	55-60	Có sinh khối lớn
4	PSC 747	100 - 110	55-60	Có sinh khối lớn
IV	NGÔ THU HOẠCH ĂN TƯƠI			
1	HN92	70 - 75	50-55	Thu hoạch ăn tươi
2	Fancy 111 (Nếp tím)	70 - 75	50-55	Thu hoạch ăn tươi
3	MX10	65 - 70	45-50	Thu hoạch ăn tươi
4	HN88	62 - 65	45-50	Thu hoạch ăn tươi
5	Ngô nếp Bạch Long	65 - 70	50-55	Thu hoạch ăn tươi
6	NT98	65 - 70	50-55	Thu hoạch ăn tươi

Ghi chú: Số thứ tự của các giống chủ lực sắp xếp theo diện tích giảm dần, các giống còn lại sắp xếp theo thời gian sinh trưởng

Phụ lục 04: Danh sách các giống lạc, rau, khoai lang, khoai tây đã sản xuất trong vụ Đông tại Nghệ An

TT	Tên giống	TGST vụ Đông (ngày)	Ghi chú
I	Giống lạc		
1	L14	105 - 110	
2	L23	100 - 105	
3	L26	95 - 100	
4	TB25	100 - 110	
5	Sen lai 75/23	110 - 115	
6	TK10	108 - 110	
7	L20	105 - 110	
II	Giống rau		
1	Bắp cải		
-	KK Cross	80 - 85	
-	Thúy Phong	80 - 90	
2	Bí xanh		
-	Bí xanh số 1	100 - 110	
-	Bí xanh thiên thanh 5	90 - 95	
-	Nova 209	75 - 80	
-	An Điền 686	80 - 85	
-	Bí xanh Green 258	85 - 90	
3	Cà rốt		
-	Takii 103	100 - 105	
-	Takii 108	100 - 105	
-	Takii 444	100 - 105	
4	Dưa chuột		
-	PC4	80 - 85	
-	VL - 639	80 - 85	
-	PN - 636	80 - 85	
-	Maya	75 - 80	thu trái bao tử
-	Kichi 207	75 - 80	thu trái bao tử
5	Súp lơ		
-	Man top	100 - 105	
-	Green Magic	100 - 105	
-	Thanh Hoa	100 - 105	
III	Giống khoai lang		
1	KLC-266	100 - 105	
2	KL20-209	110 - 115	
3	K4	105 - 110	
IV	Giống khoai tây		
1	Atlantic	85 - 90	
2	Marabel	85 - 90	
3	Diamant	85 - 90	
4	Solara	80 - 90	

KẾT QUẢ CÁC CÂY TRỒNG VỤ ĐÔNG 2022 CỦA CÁC HUYỆN, THÀNH, THỊ

TT	Toàn tỉnh	Các loại cây trồng			Cây ngô			Cây lạc			Cây rau các loại			Khoai lang			Khoai tây			Chi chủ
		Diện tích (ha)	KH	% thực hiện	Diện tích (ha)	KH	% thực hiện	Diện tích (ha)	KH	% thực hiện	Tổng DT (ha)	KH	% thực hiện	Diện tích (ha)	KH	% thực hiện	Diện tích (ha)	KH	% thực hiện	
		33.326,6	35.430,0	94,1	18.408,8	19.500,0	94,4	1.021,2	1.450,0	70,4	12.308,8	12.500,0	98,5	1.301,5	1.450,0	89,8	286,35	530,0	54,0	
1	Diễn Châu	3.353,6	4.000,0	83,8	1.558,58	1.750,0	89,1	590,4	850	69,5	856,56	1050	81,6	137,9	100	138	210,10	250	84,0	Không đạt
2	Yên Thành	2.258,6	2.465,0	91,6	716,82	900,0	79,6	29,5	45	65,6	1.424,90	1350	105,5	79,9	150	53	7,50	20	37,5	Không đạt
3	Quỳnh Lưu	2.793,7	2.780,0	100,5	794,10	750,0	105,9	91,6	80	114,5	1.674,49	1700	98,5	225,1	230	98	8,50	20	42,5	Đạt
4	TX Hoàng Mai	1.024,6	915,0	112,0	309,70	200,0	154,9	17,2	30	57,3	619,34	600	103,2	74,9	70	107	3,50	15	23,3	Đạt
5	Nghi Lộc	1.553,7	2.292,0	67,8	742,66	1.150,0	64,6	91,1	190	47,9	675,16	900	75,0	42,7	17	251	2,15	35	6,1	Không đạt
6	Nam Đàn	4.078,7	4.380,0	93,1	2.349,84	2.500,0	94,0	30,8	30	102,7	1.525,07	1600	95,3	148,0	200,0	74	25,00	50	50,0	Không đạt
7	Hưng Nguyên	802,7	786,0	102,1	226,57	200,0	113,3	16,6	0	0,0	525,35	500	105,1	28,1	28,0	100	6,10	58	10,5	Đạt
8	Bà Lương	1.698,2	1.962,0	86,6	1.011,02	1.100,0	91,9	31,5	40	78,8	573,12	700	81,9	74,6	120,0	62	8,00	2	400,0	Không đạt
9	TP Vinh	541,2	210,0	257,7	119,20	80,0	149,0	92,5	15	616,7	292,95	110	266,3	36,6	5,0	731	-	0	0,0	Đạt
10	TX Cửa Lò	183,9	215,0	85,6	54,00	70,0	77,1	-	0	0,0	78,94	75	105,3	51,0	70,0	73	-	0	0,0	Không đạt
11	Thanh Chương	4.106,0	4.105,0	100,0	3.059,00	3.200,0	95,6	-	0	0,0	941,00	750	125,5	106,0	135,0	79	-	20	-	Đạt
12	Tân Kỳ	2.317,3	2.230,0	103,9	1.624,90	1.600,0	101,6	-	0	0,0	625,04	600	104,2	64,4	20,0	322	3,00	10	30,0	Đạt
13	Nghĩa Đàn	1.106,8	1.905,0	58,1	477,02	1.200,0	39,8	-	100	0,0	607,47	505	120,3	22,4	100,0	22	-	0	0,0	Không đạt
14	TX Thái Hoà	400,7	435,0	92,1	239,53	250,0	95,8	1,0	0	>100%	143,60	150	95,7	4,6	5,0	92	12,00	30	40,0	Không đạt
15	Quý Hợp	1.140,9	1.235,0	92,4	837,30	650,0	128,8	-	0	0,0	226,20	470	48,1	77,4	95,0	81	-	20	0,0	Không đạt
16	Quý Châu	652,9	665,0	98,2	278,95	300,0	93,0	11,2	40	27,9	323,65	300	107,9	39,1	25,0	157	-	0	0,0	Không đạt
17	Quê Phong	355,8	425,0	83,7	55,00	150,0	36,7	-	0	0,0	277,80	255	108,9	23,0	20,0	115	-	0	0,0	Không đạt
18	Anh Sơn	2.852,0	2.890,0	98,7	2.424,00	2.500,0	97,0	-	0	0,0	388,00	360	107,8	40,0	30,0	133	-	0	0,0	Không đạt
19	Con Cuông	849,3	960,0	88,5	601,49	700,0	85,9	1,5	10	15,0	225,50	225	100,2	20,8	25,0	83	-	0	0,0	Không đạt
20	Tương Dương	572,4	575,0	99,5	245,60	250,0	98,2	16,4	20	82,0	304,66	300	101,6	5,2	5,0	104	0,50	0	>100%	Không đạt
21	Kỳ Sơn	0,0	0,0	0,0	0,00	0,0	-	-	0	0,0	0,00	0	-	-	0,0	0	-	0	0,0	

th